UBND TỈNH SÓC TRĂNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /QĐ-SYT	*Sóc Trăng, ngày 03 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng nghiệp vụ Y – Dược, Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG PHÚ.

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Giấy phép hoạt động số: **0430/ST-GPHĐ**.

Cấp ngày: 04 tháng 04 năm 2018; Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

Họ và tên người phụ trách chuyên môn: **LÊ VĂN TỚI**.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt gồm 203 người và 19 nhân viên khác theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành, và thay thế Quyết định số 223/QĐ-SYT ngày 11/4/2023 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Chánh Thanh tra Sở Y tế, các cơ quan liên quan; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh;
- Các cơ sở KBCB trong tỉnh;
- Đăng Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VP; NVYD.

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH SÓC TRĂNG

Trần Thành Tuấn

DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-SYT, ngày 03 / 01 /2024 của Giám đốc Sở Y tế)

1. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
1	Lê Văn Tới	000400/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI Giám đốc TTYT Phụ trách chuyên môn
2	Nguyễn Hoàng Nam	000787/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội - Nhi	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI Phó Giám đốc TTYT KBCB hệ Nội - Nhi
3	Lưu Phước Linh	000139/ ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI Phó giám đốc TTYT KBCB chuyên khoa Nội
4	Đinh Công Tâm	000474/ ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nội Trưởng Phòng KH-NV phụ trách chuyên môn
5	Lương Văn Ngoãn	000476/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Nội Phó Phòng KH-NV-QLCL
6	Triệu Quốc Dũng	271/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà Thuốc)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS.CKI chuyên ngành tổ chức quản lý dược Phòng KH-NV-QLCL nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
7	Dương Văn Thol	0003382/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, YHGĐ	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Nội, P.TC-HC-TC-KT
8	Sơn Đặng Lâm	001241/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Trưởng phòng Điều dưỡng TTYT
9	Phạm Thị Ngọc Hân	04056/ST-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Phòng Điều dưỡng nhân viên
10	Thạch Thị Hồng Đào	0002511/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ. theo quyết định số 42/QĐ-SYT, ngày 25/6/2020.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa răng hàm mặt, Phòng Dân số - truyền thông và GDSK nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
11	Trương Hoàng Ngôi	000816/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội, Y học gia đình. Khám, điều trị HIV/AIDS theo Chứng nhận số 0135/2019/C06 của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2019. Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao theo Chứng nhận số 7011/2022/B45 của Bệnh viện Phổi Trung Ương cấp ngày 08/7/2022.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nội - Nhi - Lao-HIV/AIDS Trưởng khoa Khám bệnh phụ trách chuyên môn
12	Dương Chí Toại	002380/ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Khám, điều trị HIV/AIDS theo Chứng nhận số 0142/2020/C06 của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/10/2020. Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao theo Chứng nhận số 7015/2022/B45 của Bệnh viện Phổi Trung Ương cấp ngày 08/7/2022.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội - Nhi - Lao-HIV/AIDS Phó Trưởng Khoa Khám bệnh
13	Bùi Thị Tiếm	002449/ ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Bổ sung phạm vi chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng theo quyết định số 71/QĐ-SYT, ngày 25/6/2019.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB Nội khoa; chuyên khoa Tai Mũi Họng Khoa Khám bệnh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
14	Trần Thị Hà	005483/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng. Theo Quyết định số 305/QĐ-SYT, ngày 16/6/2021.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB chuyên khoa Y học cổ truyền.; Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng Khoa Khám bệnh nhân viên
15	Nguyễn Thị Minh Thảo	001215/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Điều dưỡng Trưởng Khoa khám bệnh
16	Bùi Quang Tổng	0002907/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - hàm mặt	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa khám bệnh nhân viên
17	Sơn Hoàng Tấn	001183/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa Da liễu Khoa khám bệnh nhân viên
18	Nguyễn Thị Hồng Tươi	0002906/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa khám bệnh nhân viên
19	Đặng Huyền Trân	001205/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa khám bệnh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
20	Nguyễn Thanh Quang	001216/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT Khoa khám bệnh nhân viên
21	Nguyễn Thị Kim Cương	001192/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT Khoa khám bệnh nhân viên
22	Thạch Thanh Tấn	001186/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Vật lý trị liệu.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Vật lý trị liệu. Khoa khám bệnh nhân viên
23	Đổng Kim My	001170/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa khám bệnh nhân viên
24	Tào Ngọc Thoa	001178/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa khám bệnh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
25	Tào Ngọc Hương	001223/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa khám bệnh nhân viên
26	Trần Thị Ngọc Nhi	001175/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa khám bệnh nhân viên
27	Huỳnh Võ Hữu Phúc	001166/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa khám bệnh nhân viên
28	Phạm Thị Hạnh	04053/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa khám bệnh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
29	Phạm Văn Thuận	001219/ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. Phạm vi chuyên môn được điều chỉnh bổ sung: kỹ thuật viên vật lý trị liệu - phục hồi chức năng theo Quyết định số 58/QĐ-SYT, ngày 25/4/2019.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa khám bệnh nhân viên
30	Lâm Minh Luân	005516/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền. Phạm vi chuyên môn được điều chỉnh bổ sung: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng theo Quyết định bổ sung hoạt động chuyên môn: Số 879/QĐ-SYT, ngày 28/11/2022	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa: Y học cổ truyền - VLTL - PHCN Khoa khám bệnh nhân viên
31	Nguyễn Thu Vân	000881/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nội Trưởng khoa HSCC phụ trách chuyên môn
32	Lê Văn Dũ	01220/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BSCKI KBCB hệ Nội Phó Trưởng khoa HSCC

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
33	Nguyễn Phi Toàn	006049/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS Khoa HSCC nhân viên
34	Trần Thanh Hoàng	001222/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Điều dưỡng Trưởng khoa HSCC nhân viên
35	Lý Thị Thanh Huyền	001203/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên
36	Sơn Thị Hiền	001227/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên
37	Nguyễn Thị Kim Ngọc Dung	001214/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
38	Võ Thành Vũ	001163/ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa HSCC nhân viên
39	Nguyễn Thanh Nhã	0002883/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa HSCC nhân viên
40	Hồ Thị Mỹ Dung	001206/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên
41	Dương Thị Kiều Tiên	001233/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa HSCC nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
42	Trương Thị Bích Tuyền	001182/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa HSCC nhân viên
43	Nguyễn Thành Tâm	001161/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên
44	Đặng Minh Kỳ	000524/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên
45	Nhan Thanh Nhanh	001229/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa HSCC nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
46	Lê Công Đức	000102/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội-nhi	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nội - Nhi Trưởng khoa Nội - Nhiễm phụ trách chuyên môn
47	Văn Công Đẹp	000674/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Nội Phó Trưởng khoa Nội - Nhiễm
48	Lâm Phước An	000808/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
49	Huỳnh Thị Thúy Duy	02522/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
50	Dương Thị Ngọc Quý	003265/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
51	Sơn Phương Trang	006067/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội Khoa Nội - Nhiễm nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
52	Dương Văn Mến	001189/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Điều dưỡng Trưởng Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
53	Nguyễn Thị Như	001240/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
54	Dư Thanh Trúc	0002899/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
55	Phạm Thị Yến Nhi	001217/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
56	Đoàn Thị Lành	04055/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y..	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
57	Lý Thị Hồng Lan	001212/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
58	Kim Thị Thu Trang	0002894/ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
59	Trương Thị Mùa	002898/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
60	Lê Thanh Diện	001232/ST-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015. Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
61	Huỳnh Thị Lệ Hằng	0002882/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
62	Lê Thị Thúy Quyên	001239/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
63	Lâm Thị Bích Diễm	001199/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nội - Nhiễm nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
64	Từ Thị Chiêu	002284/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD Khoa Nội - Nhiễm nhân viên
65	Võ Văn Suôl	000359/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nội Trưởng khoa Khoa Nhi phụ trách chuyên môn
66	Đào Thị Xuyến	001218/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB hệ Nhi Phó Trưởng khoa Nhi
67	Huỳnh Huyền Trân	001197/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Điều dưỡng Trưởng Khoa Nhi nhân viên
68	Tạ Cẩm Loan	000179/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CKI ĐD Khoa Nhi nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
69	Nguyễn Thị Lụa	001226/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nhi nhân viên
70	Lý Thanh Duy	000514/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Nhi nhân viên
71	Lê Thị Phương Lan	001174/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nhi nhân viên
72	Lý Thị Hồng Thảo	000801/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Điều dưỡng Khoa Nhi nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
73	Kiêm Thị Thu Thủy	0002915/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nhi nhân viên
74	Trương Ngọc Linh	001213/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nhi nhân viên
75	Trần Thị Thanh Nhã	001237/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nhi nhân viên
76	Kim Ngọc Dung	000533/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB Sản phụ khoa; Ngoại khoa Trưởng khoa Ngoại - Sản, CSSKSS phụ trách chuyên môn

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
77	Phạm Thị Hồng Hoa	000682/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB Sản phụ; Ngoại khoa Phó Trưởng khoa Ngoại - Sản, CSSKSS
78	Lâm Hoàng Minh	05100/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Ngoại Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
79	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	05101/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Ngoại Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
80	Thái Văn Bên	001211/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB chuyên khoa Ngoại Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
81	Trà Trung Dũng	000532/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB Ngoại khoa; Gây mê hồi sức Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
82	Phạm Như Ngọc	001173/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNHS Điều dưỡng Trưởng Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
83	Trần Văn Ny	001162/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về gây mê hồi sức.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CN GMHS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
84	Nguyễn Thị Việt Nam	001209/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Sản Nhi	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
85	Nguyễn Thanh Tùng	001181/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
86	Đặng Việt Hà	001230/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Nhi nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
87	Trương Thị Yến Nhi	0003126/ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT - BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNHS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
88	Lữ Ngọc Trâm	04037/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y..	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
89	Thạch Thị Hồng Loan	0002888/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
90	Nguyễn Thị Hồng Thi	001200/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
91	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	000713/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
			định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.		
92	Trần Thị Ngọc Hằng	000534/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNHS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
93	Huỳnh Thị Nhớ	001221/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNHS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
94	Lê Thị Diệu Phượng	002352/ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNHS Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
95	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	001194/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
96	Trần Thị Thu Trang	001185/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
97	Lâm Thị Phụng	001165/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
98	Lâm Huệ Trân	001207/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
99	Lý Thị Tuyết Hằng	001204/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Ngoại - Sản, CSSKSS nhân viên
100	Trần Mỹ Ngọc	001180/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Điều dưỡng Trưởng Khoa KSNK phụ trách chuyên môn

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
			vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		
101	Huỳnh Cường	001193/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Khoa KSNK nhân viên
102	Đồng Kim Điều	001224/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật viên chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNXN Trưởng khoa XN & CĐHA phụ trách chuyên môn
103	Lê Minh Diễn	03664/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh. Quyết định bổ sung hoạt động chuyên môn: Số 53/QĐ-SYT, ngày 10/7/2020.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI Phó Trưởng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Khoa XN-CĐHA nhân viên
104	Hồ Hải Đăng	001176/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật viên chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNXN Khoa XN-CĐ HA nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
105	Dư Thị Thúy Hằng	001160/ST-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa XN-CĐHA nhân viên
106	Nguyễn Thành Phước	0002919/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa Khoa XN-CĐHA nhân viên
107	Huỳnh Thị Kim Ngân	001172/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật viên chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNXN Kỹ thuật viên Trưởng Khoa XN-CĐHA nhân viên
108	Liêu Quang Lý	001187/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật viên chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	KTVXN Kỹ thuật viên Khoa XN-CĐHA nhân viên
109	Lý Khê Ma Ra	001225/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về chụp X quang	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	KTVXN Kỹ thuật viên Khoa XN-CĐHA nhân viên
110	Thạch Châm Rông	002102/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	KTVXN Kỹ thuật viên Khoa XN-CĐHA nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
111	Trương Kiều Diễm	001231/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	KTVXN Kỹ thuật viên Khoa XN-CĐHA nhân viên
112	Trần Thị Phương Nhi	04893/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	KTVXN Kỹ thuật viên Khoa XN-CĐHA nhân viên
113	Trần Bữu Viễn	402/ST-CCHN	Doanh nghiệp bán buôn thuốc, Nhà thuốc	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS.CKI Trưởng khoa Dược - TTB - VTYT phụ trách chuyên môn
114	Đặng Như Hương	652/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ nhà thuốc (Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc của Trạm Y tế xã)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS Khoa Dược-TTB-VTYT Nghiệp vụ dược nhân viên
115	Kim Thị Phương Dung	1051/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (về dược của Nhà thuốc,; Quầy thuốc; Tủ thuốc Trạm Y tế)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS Khoa Dược-TTB-VTYT Phụ trách DLS,TT thuốc nhân viên
116	Huỳnh Thu Ba	514/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (về dược của Quầy dược)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ Khoa Dược-TTB-VTYT Thủ kho thuốc nội trú nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
117	Lâm Huyền Trang	375/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (về dược của Nhà thuốc)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS Khoa Dược-TTB-VTYT Thủ kho TTB nhân viên
118	Đặng Thị Thoại Mỹ	638/ST-CCHND	Bán lẻ thuốc (Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ dược liệu)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DS Khoa Dược-TTB-VTYT QL kho thuốc các CT Y tế Quốc gia và kho thuốc, hóa chất, VTYT PC dịch nhân viên.
119	Nguyễn Văn Dũng	801/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (Quầy thuốc; Tủ thuốc Trạm Y tế xã)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ Khoa Dược-TTB-VTYT Thống kê dược nhân viên
120	Nguyễn Thanh Tâm	934/ST-CCHND	Bán lẻ thuốc (Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ Khoa Dược-TTB-VTYT Cấp phát thuốc nội trú nhân viên
121	Lâm Thị Ngọc Hoa	668/ST-CCHN	Bán lẻ thuốc (Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH Khoa Dược-TTB-VTYT Thủ kho thuốc ngoại trú nhân viên
122	Lữ Kiều Lý	623/ST-CCHND	Bán lẻ thuốc (Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH Khoa Dược-TTB-VTYT Cấp phát thuốc BHYT nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
123	Huỳnh Phong	0002504/ ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu theo Quyết định số 102/QĐ-SYT, ngày 16/11/2018.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI Trưởng Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng KBCB Nội khoa; chuyên khoa Da liễu
124	Thái Văn Minh	000181/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội - Nhi	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB hệ Nội - Nhi Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
125	Lý Văn Dưng	002453/ ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
126	Đỗ Thanh Tịnh	002448/ST - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
127	Tiêu Minh Đường	002432/ST - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
128	Nguyễn Thị Huyền Lương	002352/ST - CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT - BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
129	Sơn Thành Phát	002454/ST - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
130	Nguyễn Thị Kiều Trang	002451/ST - CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa Y tế Công cộng - Dinh dưỡng nhân viên
131	Phan Tấn An	0002783/ST-CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB hệ Nội Trưởng Khoa KSBT-HIV/AIDS phụ trách chuyên môn
132	Phạm Thanh Long	000471/ST-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Phó Khoa KSBT-HIV/AIDS
133	Trần Văn Tự	002421/ST-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNYTCC Khoa KSBT-HIV/AIDS nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
134	Mai Chí Thiện	002433/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNYTCC Khoa KSBT-HIV/AIDS nhân viên
135	Dương Minh Tuấn	001177/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Khoa KSBT-HIV/AIDS nhân viên
136	Lê Văn Đạt	04244/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế -Bộ Nội vụ.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa KSBT-HIV/AIDS nhân viên
137	Nguyễn Thị Kim Thanh	03824/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế -Bộ Nội vụ.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Khoa KSBT-HIV/AIDS nhân viên
138	Thạch Hoàng	002447/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI TYT TT LP Phụ trách CM TYT KBCB Đa khoa

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
139	Trần Hoàng Toàn	002313/ ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNYTCC Phó TYT TT LP chuyên khoa YHCT
140	Sơn Ba	002446/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH TYT TT LP nhân viên
141	Huỳnh Thị Thanh Bình	002445/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các nhạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS TYT TT LP nhân viên
142	Lâm Thị Bích Vy	159/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (về dược của Nhà thuốc)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSĐH QL Dược-TTB TYT TT LP nhân viên
143	Triệu Rết	002328/ST-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Trưởng TYT xã LP Phụ trách CM TYT KBCB Đa khoa
144	Phạm Tuấn Anh	00414/ST-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS Phó TYT xã LP KBCB đa khoa

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
145	Trương Khánh Vinh	000479/ST-CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã LP nhân viên
146	Thạch Thị Đinh Phối	002331/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Phạm vi chuyên môn được điều chỉnh bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo Quyết định bổ sung hoạt động chuyên môn: Số 103/QĐ-SYT, ngày 16/11/2018	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB bằng YHCT TYT xã LP nhân viên
147	Đào Thị Tuyết Mai	0003335/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã LP nhân viên
148	Đặng Hoàng Như Vân	0003337/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH TYT xã LP nhân viên
149	Lâm Thị Trúc Linh	1405/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc. Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của: Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ TYT xã LP nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
150	Nguyễn Văn Tuấn	0003127/ST-CCNH	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Phó Trưởng TYT TT Đại Ngãi
151	Nguyễn Minh Khải	01236/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Bác sỹ KBCB hệ Nội TYT TT Đại Ngãi Phụ trách chuyên môn
152	Nguyễn Thị Cẩm Khoa	000509/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB bằng YHCT TYT TT Đại Ngãi nhân viên
153	Trần Thanh Sang	000546/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT TT Đại Ngãi nhân viên
154	Lê Phương Thanh	001892/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH TYT TT Đại Ngãi nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
155	Trần Thị Mỹ Quyên	000525/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH TYT TT Đại Ngãi nhân viên
156	Đặng Thị Kiều Linh	291/ST-CCHND	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ Dược liệu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ TYT TT Đại Ngãi nhân viên
157	Lê Thị Thùy Trang	002343/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH KBCB Trưởng TYT Trường Khánh Phụ trách chuyên môn
158	Trương Thanh Bình	002381/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Bác sỹ KBCB hệ Nội TYT xã Trường Khánh nhân viên
159	Dương Thị Huyền Trân	04561/ST-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB bằng YHCT TYT xã Trường Khánh nhân viên
160	Dương Thị Ngọc Diễm	002350/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH TYT xã Trường Khánh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
161	Hứa Thị Hồng Thái	002349/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD TYT xã Trường Khánh nhân viên
162	Thạch Phước Thanh	002344/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD TYT xã Trường Khánh nhân viên
163	Võ Hồng Ngoan	261/ST-CCHN	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ Dược liệu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSĐH TYT xã Trường khánh nhân viên
164	Từ Ngọc Hòa	0002841/ ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bện đa khoa	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB Trưởng TYTX Song Phụng Phụ trách chuyên môn
165	Nguyễn Trọng Hải	05288/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB TYT xã Song Phụng nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
166	Ông Thị Kim Huệ	002337/ST-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD TYT xã Song Phụng nhân viên
167	Hồng Khánh Ly	256/ST-CCHND	Đủ điều kiện hành nghề Dược, các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, tủ thuốc Trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ TYT xã Song Phụng nhân viên
168	Trần Thị Bé Sáu	002091/ST-CCHN	Khám bệnh,chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB đa khoa Trưởng TYT Long Đức Phụ trách chuyên môn
169	Đinh Văn Đoàn	000513/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa, chuyên khoa Răng hàm mặt TYT xã Long Đức nhân viên
170	Văn Huỳnh Công Quý	002383/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ tryyền theo Quyết định bổ sung hoạt động chuyên môn: Số 12/QĐ-SYT, ngày 27/07/2017	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB bằng YHCT TYT xã Long Đức nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
171	Nguyễn Trung Anh	005548/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Long Đức nhân viên
172	Phan Thuỳ Trang	185/ST-CCHND	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y,thuốc từ Dược liệu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH TYT xã Long Đức nhân viên
173	Lý Thị Mỹ Châu	04170/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI KBCB đa khoa Trưởng TYT Tân Hưng Phụ trách chuyên môn
174	Liêu The	000809/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KCB Đa khoa Phó TYT xã Tân Hưng
175	Lâm Thị Thu Ba	002329/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Nhi.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS Chuyên khoa Sản Nhi TYT xã Tân Hưng nhân viên
176	Nguyễn Thị Diệu Hiền	002389/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT TYT xã Tân Hưng nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
177	Dương Mộng Linh	002386/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Tân Hưng nhân viên
178	Trần Thị Thảo Trang	0003334/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Tân Hưng nhân viên
179	Thạch Thị Ánh Diệu	136/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc (về dược của Nhà thuốc)	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSĐH TYT xã Tân Hưng nhân viên
180	Huỳnh Minh Tuấn	255/ST-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH TYT xã Tân Hưng nhân viên
181	Nguyễn Thị Cẩm Tứ	002314/ST- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB đa khoa Trưởng TYT Tân Thạnh Phụ trách chuyên môn

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
182	Lâm Diệu Hoàng Thanh	003260/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Tân Thạnh nhân viên
183	Lâm Thị Hồng Phượng	002358/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các nhạch viên chức hộ sinh.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	HSTH TYT xã Tân Thạnh nhân viên
184	Trần Thị Bé Nghiêm	04706/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y..	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD TYT xã Tân Thạnh nhân viên
185	Tiền Tấn Lợi	177/ST-CCHND	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ Dược liệu.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSĐH TYT xã Tân Thạnh nhân viên
186	Trần Văn Đền	000480/ ST/CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo Quyết định bổ sung hoạt động chuyên môn: Số 08/QĐ-SYT, ngày 11/05/2017	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB bằng y học cổ truyền Trưởng TYT xã Châu Khánh Phụ trách chuyên môn

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
187	Nguyễn Mạnh Thương	02356/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB đa khoa TYT xã Châu Khánh nhân viên
188	Phạm Văn Nhơn	002430/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB ban đầu TYT xã Châu Khánh nhân viên
189	Nguyễn Thanh Nhàn	002330/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Châu Khánh nhân viên
190	Trần Minh Quang	002428/ ST/CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH Điều dưỡng TYT xã Châu Khánh nhân viên
191	Trần Thị Hồng Hạnh	318/ST/CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Tủ thuốc trạm y tế.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSĐH TYT xã Châu Khánh nhân viên
192	Nguyễn Văn Quốc	002360/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS KBCB đa khoa, chuyên khoa y học cổ truyền Trưởng TYT Phú Hữu Phụ trách chuyên môn

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
193	Lê Bá Tùng	002357/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT TYT xã Phú Hữu nhân viên
194	Lê Hoàng Giang	002387/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB đa khoa TYT xã Phú Hữu nhân viên
195	Nguyễn Hữu Cảnh	0002901/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT TYT xã Phú Hữu nhân viên
196	Nguyễn Văn Truyền	002359/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH TYT xã Phú Hữu nhân viên
197	Nguyễn Hồng Loan	0002935/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD Chuyên ngành Hộ sinh TYT xã Phú Hữu nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
198	Lê Thị Ngọt	476/ST-CCHND	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH TYT xã Phú Hữu nhân viên
199	Trần Thanh Tú	000469/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	BS.CKI KBCB Đa khoa Trưởng TYT Hậu Thạnh Phụ trách chuyên môn
200	Đinh Văn Nghiệp	000530/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB Đa khoa, chuyên khoa Tai mũi họng TYT xã Hậu Thạnh nhân viên
201	Trần Văn Nua	002338/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	YS KBCB chuyên khoa YHCT TYT xã Hậu Thạnh nhân viên
202	Trần Thị Nguyệt Quế	0003264/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD TYT xã Hậu Thạnh nhân viên

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
203	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	258/ST-CCHND	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc trạm y tế, cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	DSTH TYT xã Hậu Thạnh nhân viên

2. Danh sách đăng ký người làm việc (bao gồm những người làm việc tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí làm việc
1	Lâm Thị Thu Hằng	Cử nhân kinh tế	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Trưởng Phòng TC-HC-TC-KT
2	Tào Minh Đức	Trung cấp kế toán	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT Kế toán, nhân viên
3	Văn Huỳnh Mỹ Ngọc	Cử nhân kế toán	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT kế toán, nhân viên
4	Võ Thị Đoan	Cử nhân kế toán	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT Phụ trách kế toán, nhân viên
5	Trần Thị Xuân Lan	Cử nhân kế toán	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT Kế toán, kế toán

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí làm việc
6	Lê Thị Thu Cúc	Trung cấp kế toán	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	TC-HC-TC-KT Kế toán, nhân viên
7	Thạch Thanh Tú	Kỹ sư điện	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT Kỹ sư điện, nhân viên
8	Nguyễn Thanh Vân	ĐDTH	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng TC-HC-TC-KT Văn thư, nhân viên
9	Đặng Thành Nam	Kỹ sư tin học	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL Kỹ sư, nhân viên
10	Trần Thiên Chiết	Kỹ sư tin học	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL Kỹ sư, nhân viên
11	Trần Vạn Kiếp	Kỹ thuật viên vi tính	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL KTV, nhân viên
12	Phạm Văn Tưởng	Cử nhân YTCC	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL CNYTCC, nhân viên
13	Quách Kim Ngân	Cử nhân YTCC	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL CNYTCC, nhân viên
14	Nguyễn Thanh Thế	ĐDTH	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng KH-NV-QLCL ĐD, nhân viên

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí làm việc
15	Nguyễn Thị Yến Nhi	Cử nhân luật	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng Dân số - truyền thông và GDSK nhân viên
16	Nguyễn Thanh Thảo	Cử nhân luật	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng Dân số - truyền thông và GDSK nhân viên
17	Kim Thị Tiến	Cử nhân xã hội học	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	Phòng Dân số - truyền thông và GDSK nhân viên
18	Trương Thị Huỳnh Như	Hộ Sinh cao đẳng	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	TYT xã Song Phụng nhân viên
19	Đặng Thanh Thùy	Đại học công tác xã hội	0700-1100; 01300-1700 T2T3T4T5T6	TYT Thị trấn Long Phú Phụ trách Dân số, nhân viên